TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **47**/2024/QĐST-DS

Bình Đại, ngày 11 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 121/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Phan Thị M,** sinh ngày 01/01/1952

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* **Chị Nguyễn Thị Châu P**, sinh ngày 02/9/1984

Nơi thường trú: ấp T, xã D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: ấp L, xã P, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị Châu P: **Ông Mai Thành Tâm** – Là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Đặng Thị Thanh N, sinh ngày 03/11/1986

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện D, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chị Nguyễn Thị Châu P thừa nhận còn nợ và đồng ý có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị M số tiền nợ hụi, nợ vay là 355.000.000 đồng (Ba trăm, năm mươi lăm triệu đồng). Trong đó:

+ Nợ hụi: 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện bà M không yêu cầu tính lãi suất đối với tiền nợ hụi.

+ Nợ vay: 310.000.000 đồng (Ba trăm mười triệu đồng), gồm vốn gốc: 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) và nợ lãi: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

2.2. Thời gian thực hiện:

Trả ngay một lần khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật (ngày 11/6/2024).

2.3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

a/ Bà Phan Thị M phải chịu là 4.437.500 đồng (Bốn triệu, bốn trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) nhưng bà M được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (do bà M thuộc trường hợp người cao tuổi).

b/ Chị Nguyễn Thị Châu P phải chịu là 4.437.500 đồng (Bốn triệu, bốn trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) nhưng chị Mai được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (do chị Châu thuộc trường hợp người khuyết tật).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại ;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên